

Số: /GPMT-UBND

Sơn La, ngày tháng 11 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2550/QĐ-UBND ngày 12/10/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng Trường Nội trú liên cấp Tiểu học - Trung học cơ sở tại các xã biên giới của tỉnh Sơn La; Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc áp dụng thực hiện cơ chế đặc thù để đầu tư xây dựng Trường Nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở tại các xã biên giới, trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Xét Công văn số 617/DANN-QLDA ngày 29/10/2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Trường nội trú liên cấp Tiểu học - THCS Chiềng Sơn; Công văn số 634/DANN-QLDA ngày 03/11/2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc tiếp thu, bổ sung, giải trình nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Trường nội trú liên cấp Tiểu học - THCS Chiềng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1260/TTr-SNNMT ngày 04/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (*địa chỉ: Số 56A, đường Lò Văn Giá, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La*) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Trường nội trú liên cấp Tiểu học – Trung học cơ sở Chiềng Sơn tại xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La với những nội dung như sau:

1. Thông tin chung của chủ dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Trường nội trú liên cấp Tiểu học – Trung học cơ sở Chiềng Sơn.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La.

1.3. Quyết định số 2550/QĐ-UBND ngày 12/10/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng Trường Nội trú liên cấp Tiểu học - Trung học cơ sở tại các xã biên giới của tỉnh Sơn La; Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc áp dụng thực hiện cơ chế đặc thù để đầu tư xây dựng Trường Nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở tại các xã biên giới, trên địa bàn tỉnh Sơn La.

1.4. Mã số thuế: 5500533580.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dự án xây dựng công trình dân dụng (*công trình giáo dục*).

1.6. Phạm vi quy mô, công suất của dự án

- Diện tích: 4,97ha.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như Dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Dự án có tiêu chí môi trường tương đương Dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Dự án gồm 4 khối công trình chính như sau:

+ Khối phòng học tập (*gồm: Nhà học lý thuyết tiểu học; nhà học lý thuyết THCS; nhà học bộ môn tiểu học; nhà học bộ môn THCS; nhà đa năng; bể bơi trong nhà; sân bóng đá*);

+ Khối hành chính (*gồm: Nhà Hành chính - Hiệu bộ - Nhà Thư viện, Hội trường*);

+ Khối nhà chức năng (gồm: Nhà ở học sinh nội trú cấp Tiểu học; nhà ở học sinh nội trú cấp THCS; nhà nội trú dành cho giáo viên; nhà bếp ăn);

+ Khối các công trình phụ trợ (gồm: cổng chính, cổng phụ; nhà bảo vệ; sân tập trung; tường rào; bãi đỗ xe; hệ thống đường nội bộ; hệ thống cấp điện sinh hoạt - chiếu sáng; hệ thống cấp nước sinh hoạt; hệ thống thoát nước thải, thoát nước mặt; Hệ thống xử lý nước thải tập trung; hệ thống PCCC; cây xanh).

- Dự án gồm hai khối lớp học (Tiểu học và Trung học cơ sở) với khoảng 1.000 học sinh, 150 giáo viên, công nhân viên phục vụ.

2. Nội dung cấp Giấy phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Giấy phép này

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 (mười)** năm.

(từ ngày tháng 11 năm 2025 đến hết ngày tháng 11 năm 2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép môi trường theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, XD, KH&CN, GD&ĐT;
- Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Sơn La;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND xã Chiềng Sơn;
- Trung tâm thông tin tỉnh (để công bố);
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, KT - Hiệu 16 bản.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Công

Phụ lục số 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà chính – Hiệu bộ.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà học lý thuyết Tiểu học.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà học lý thuyết THCS.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà học bộ môn Tiểu Học.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà học bộ môn THCS.
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà nội trú giáo viên.
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà nội trú học sinh tiểu học nam.
- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà nội trú học sinh tiểu học nữ.
- Nguồn số 09: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà nội trú học sinh THCS nam.
- Nguồn số 10: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà nội trú học sinh THCS nữ.
- Nguồn số 11: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà bếp ăn.
- Nguồn số 12: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà đa năng.
- Nguồn số 13: Nước xả rửa thiết bị lọc nước bể bơi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: 01 dòng nước thải (từ nguồn số 01 đến nguồn số 13) sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án xả ra nguồn tiếp nhận Hồ tiếp giáp phía Đông dự án, tại Tiểu khu 2, xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sau xử lý theo đường ống PVC D300, chiều dài 30m xả ra hồ tiếp giáp phía Đông dự án, tại Tiểu khu 2, xã Chiềng Sơn, tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 KTT 104°00' múi chiều 3⁰ như sau: X = 2296899, Y = 561582.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 125m³/ngày.đêm.

2.4. Phương thức xả thải: Tự chảy, nước thải sau hệ thống xử lý theo đường ống PVC D300, chiều dài 30m xả ra hồ tiếp giáp phía Đông dự án, tại Tiểu khu 2, xã Chiềng Sơn.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24h/ngày.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột B), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 2, Cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ/tự động liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng quan trắc
2	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 35	
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	≤ 90	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 60	
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 8,0	
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 30	
7	Tổng Phốtpho (T-P)	mg/l	≤ 2,5	
8	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	≤ 5.000	
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤ 0,5	
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤ 15	
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5,0	

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ các nguồn 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu nhà ở cho giáo viên, nhà ở học sinh cấp tiểu học, nhà ở học sinh cấp THCS, nhà học lý thuyết Tiểu học, nhà học lý thuyết THCS,

nhà học bộ môn Tiểu học, nhà học bộ môn THCS, nhà hành chính - hiệu bộ, nhà ăn, nhà đa năng được xử lý sơ bộ tại 17 bể tự hoại 03 ngăn và 01 bể tách dầu (*đối với nước thải nhà ăn*) trước khi thu gom về Hệ thống xử lý nước thải tập trung, sau đó tự chảy qua hệ thống đường ống thoát nước thải của dự án vào nguồn tiếp nhận là hồ tự nhiên tiếp giáp phía Đông dự án.

- Nước thải từ nguồn số 13: Nước thải từ quá trình xả rửa thiết bị lọc nước bề bơi được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý sau đó tự chảy qua hệ thống đường ống thoát nước thải của dự án vào nguồn tiếp nhận là hồ tự nhiên tiếp giáp phía Đông dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Công suất thiết kế: 125m³/ngày.đêm.

+ Công nghệ xử lý: Công nghệ xử lý sinh học ứng dụng giá thể vi sinh chuyên dụng MBBR.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ Hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nguồn theo các đường ống thu gom → Ngăn tách rác → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể chứa nước sau lắng → Bể khử trùng → Bể chứa nước sau xử lý (*Đường ống PVC D300, dài 30m*) → Hồ tự nhiên tiếp giáp phía Đông dự án.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen, mật gi đường (*hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.6 Phần A của Phụ lục này*).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: CloraminB (*hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.6 Phần A của Phụ lục này*).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực Trạm xử lý nước thải; ban hành quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải trong từng trường hợp sự cố có thể xảy ra. Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Bố trí 01 bể phòng ngừa sự cố thể tích 125m³ kết cấu bê tông cốt thép sử dụng để tiếp nhận và lưu giữ nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp các sự cố.

- Vận hành các công trình xử lý nước thải sinh hoạt theo đúng quy trình kỹ thuật, định kỳ bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải

sau xử lý, đảm bảo vận hành hiệu quả các công trình xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào nhật ký vận hành hàng ngày.

- Thiết kế, lắp đặt các thiết bị dự phòng để đảm bảo thay thế, hoạt động liên tục; giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy chuẩn tiếp nhận, hệ thống sẽ ngừng hoạt động xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Toàn bộ nước thải được lưu trữ tại bể phòng ngừa sự cố, cam kết không xả nước thải vượt quy chuẩn cho phép ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt Trường Nội trú liên cấp Tiểu học - THCS Chiềng Sơn công suất 125m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Bể thu gom nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Điểm xả thải sau Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Ban Quản lý phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải (*01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của dự án. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hồ ga lắng cặn trước khi thoát nước ra môi trường; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều

kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất, vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của dự án. Khuyến khích việc vận hành hệ thống xử lý nước thải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (*đầu vào, đầu ra*), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (*nếu có*); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*).

3.5. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục số 02**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /11/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Nguồn số 01: Máy móc thiết bị hoạt động của trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Toạ độ X: 2296933; Y: 561584 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰⁰’ múi chiếu 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (áp dụng đến ngày 31/12/2026), QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (áp dụng từ ngày 01/01/2027), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

- Theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

TT	Khu vực	Đơn vị	QCVN 26:2010/BTNMT	
			Từ 6 ^{h00} ’ đến 21 ^{h00} ’	Từ 21 ^{h00} ’ đến 6 ^{h00} ’
1	Khu vực đặc biệt	dBA	55	45

- Theo QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

Giới hạn tối đa cho phép với mức ồn phát sinh đối với nguồn 01

TT	Khu vực	Đơn vị	Khoảng thời gian		
			Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)
1	Khu vực A	dBA	50	45	40

3.2. Độ rung:

- Theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Khu vực	Đơn vị	QCVN 27:2010/BTNMT	
			Từ 6 ^{h00} ’ đến 21 ^{h00} ’	Từ 21 ^{h00} ’ đến 6 ^{h00} ’
1	Khu vực đặc biệt	dB	60	55

- Theo QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

Giới hạn tối đa cho phép với mức rung phát sinh đối với nguồn 01

TT	Khu vực	Đơn vị	Khoảng thời gian	
			Ngày (06 ^h 00 đến trước 22 ^h 00)	Đêm (22 ^h 00 đến trước 06 ^h 00)
1	Khu vực A	dB	60	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để hạn chế tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành công trình xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục số 03**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày /11/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	6	16 01 12
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử hư hỏng	Rắn	24	16 01 13
3	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	Rắn	36	19 05 02
4	Vỏ bao bì đựng hoá chất phục vụ xử lý nước thải và xử lý nước bề bơi	Rắn	12	18 01 01
	Tổng		78	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (m ³ năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 10	43,2
	Tổng khối lượng		43,2

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 920 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Số lượng: 01 kho lưu chứa.

- Khu vực lưu giữ: Khu vực lưu chứa diện tích 05m², đáp ứng yêu cầu theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện đúng trách nhiệm trong việc quản lý và xử lý chất thải nguy hại quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải nguy hại được lưu chứa trong các thùng chứa có nắp đậy, không rò rỉ, được dán mã chất thải nguy hại và biển cảnh báo theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Số lượng: 01 bể chứa bùn, kích thước Dài x Rộng x Sâu: 1,2x1,2x3,7m. Bể có kết cấu bê tông chống thấm.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường (*bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải*): Bùn thải → bể chứa bùn → chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với bùn thải phát sinh từ bể tự hoại 03 ngăn: Định kỳ hàng năm (*tùy thuộc mức độ sử dụng*) thuê đơn vị có chức năng hút bùn xử lý theo quy định.

- Đối với bùn nạo vét từ hệ thống rãnh thu gom, thoát nước mưa: Định kỳ hàng năm tiến hành nạo vét, sử dụng trồng cây trong khuôn viên dự án.

- Dầu mỡ từ bể tách dầu mỡ: Trang bị 01 thùng chứa loại 240 lít có nắp đậy để lưu chứa dầu, mỡ thải. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải từ vật liệu lọc nước bể bơi: tận dụng để sửa chữa, làm đẹp cảnh quan trong khuôn viên dự án.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Khu vực lưu chứa: Bố trí kho/khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 10m².

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa để thu gom và phân loại chất thải rắn sinh hoạt ngay tại nguồn gồm: Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế được lưu giữ để tái sử dụng hoặc bán phế liệu; chất thải thực phẩm khuyến khích tận dụng tối đa để làm thức ăn chăn nuôi, hoặc phân bón cho cây trồng trong khuôn viên dự án. Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác được tập kết và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Yêu cầu Chủ dự án thực hiện đầy đủ việc đóng phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Xây dựng quy định quản lý trường học, hướng dẫn nhân viên, giáo viên, học sinh thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (*rác có khả năng tái sử*

dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; rác thải khác, chất thải nguy hại), trang bị các bao bì, thùng chứa (*dán nhãn theo từng loại rác thải*) phù hợp để lưu trữ các loại chất thải; vận chuyển đến kho và khu vực lưu chứa chung.

2.5. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi dự án; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo UBND xã Chiềng Sơn nơi xảy ra sự cố để phối hợp ứng phó theo quy định.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

- Bồi thường, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục số 04**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /11/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các nội dung trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường, xây dựng, đầu tư, công nghệ, phòng chống thiên tai và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

3. Quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu mùi phát sinh từ hoạt động thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, khu xử lý chất thải. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Bồi thường, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động dự án theo quy định của pháp luật hiện hành. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước; tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công và hoạt động vận hành của dự án được đề ra trong báo cáo đề xuất

cấp Giấy phép môi trường của dự án.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường hoặc gây bức xúc trong nhân dân, tạo dư luận xã hội.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.